

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Phú Hà giai đoạn 1, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 về Quy hoạch xây dựng; số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 quy định về quy hoạch Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế; số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008;

Căn cứ Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20/11/2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 1742/TTg-KCN ngày 16/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung các KCN của tỉnh Phú Thọ vào Quy hoạch phát triển các KCN ở Việt Nam;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 64/TTr-SXD ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Sở Xây dựng; Tờ trình số 139/TTr/2014/CTKDBĐS ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Tổng công ty VIGLACERA,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Phú Hà giai đoạn 1, thị xã Phú Thọ với những nội dung chính như sau:

1. **Tên đồ án:** Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Phú Hà giai đoạn 1, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

2. **Chủ đầu tư lập quy hoạch:** Tổng công ty VIGLACERA.

3. **Đơn vị tư vấn:** Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và quy hoạch Việt Nam.

4. **Nội dung:**

4.1. Phạm vi ranh giới, diện tích khu vực lập Quy hoạch:

- Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Phú Hà giai đoạn 1 trên địa bàn xã Hà Thạch, xã Hà Lộc, xã Phú Hộ thuộc thị xã Phú Thọ; quy mô diện tích là 350,09 ha.

- Phạm vi ranh giới: Trong phạm vi ranh giới lập quy hoạch, có trục đường chính đô thị 35m cắt ngang giữa theo hướng Đông - Tây, hình thành 2 phân khu phía Bắc và phía Nam, cụ thể như sau:

+ Phân khu phía Bắc, diện tích 230,59 ha:

. Phía Bắc giáp khu dân cư ven Tỉnh lộ 315;

. Phía Nam giáp đường 35m;

. Phía Đông giáp đường dây điện 220KV và đất quân sự;

. Phía Tây giáp khu dân cư ven đường Hồ Chí Minh.

+ Phân khu phía Nam, diện tích 119,50 ha:

. Phía Bắc giáp đường 35m;

. Phía Nam giáp khu dân cư ven Tỉnh lộ 320B;

. Phía Đông giáp trường Dạy nghề và khu tái định cư ven Tỉnh lộ 320B;

. Phía Tây giáp khu dân cư xã Hà Lộc.

4.2. Mục tiêu lập quy hoạch:

- Làm cơ sở triển khai lập các dự án đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng kỹ thuật và xây dựng các công trình công nghiệp, nhà máy, kho tàng theo quy hoạch.

- Thu hút các doanh nghiệp đầu tư.

- Làm cơ sở pháp lý cho các cơ quan quản lý nhà nước quản lý quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng theo hướng phát triển bền vững.

4.3. Tính chất khu vực lập quy hoạch:

- Là khu công nghiệp hỗn hợp đa ngành, công nghệ cao, chủ yếu là công nghiệp điện tử, vật liệu xây dựng cao cấp, chế biến thực phẩm, đồ uống, các mặt hàng cơ khí, dược phẩm...

4.4. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng cân bằng sử dụng đất

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà máy, kho tàng	258,06	73,71
2	Công trình hành chính, dịch vụ	14,64	4,18
3	Các khu kỹ thuật	11,18	3,19
4	Đất cây xanh	37,80	10,80
5	Giao thông	28,41	8,12
	Tổng diện tích	350,09	100

4.5. Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch, giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

4.5.1. Chỉ tiêu sử dụng đất của từng ô đất:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	MĐ XD (%)	HS SDĐ (lần)	H min (tầng)	H max (tầng)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích	35,09					100
1	Nhà máy, kho tàng	258,06	60	1.5	1	4	73,71
2	Công trình hành chính, dịch vụ	14,64	50	2	2	6	4,18
3	Các khu kỹ thuật	11,18	40	0.6	1	2	3,19
4	Đất cây xanh	37,8					10,8
5	Giao thông	28,41					8,12

4.5.2. Quy hoạch tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

Các khu chức năng liên hệ chặt chẽ với nhau bởi mạng lưới đường rõ ràng, trục không gian chính trong khu vực quy hoạch gồm 04 trục (là các trục đường có mặt cắt A-A, B- B và C-C kết nối với đường 35m). Các lô đất công nghiệp bám sát với 04 trục đường này và các trục đường nội bộ khu quy hoạch.

- Khu Công trình hành chính, dịch vụ: Được bố trí ở hai bên trục đường 35m, trong khoảng giữa 2 cổng ra vào, tiếp cận từ đường gom. Tổng diện tích 14,64 ha, chiếm 4,18% diện tích khu đất quy hoạch khu công nghiệp. Mật độ xây dựng: 50%; tầng cao trung bình từ (2 - 6) tầng; hệ số sử dụng đất từ (1 - 3) lần. Khu vực này bao gồm các hạng mục công trình: Văn phòng điều hành, cơ quan quản lý của Ban quản lý điều hành KCN, cơ quan thuế vụ, hải quan, phòng cháy... Các công trình triển lãm, thương mại. Các công trình công cộng, dịch vụ như trung tâm giao dịch thương mại, bưu điện, ngân hàng, trưng bày sản phẩm, bãi đỗ xe và cây xanh.

- Khu hạ tầng kỹ thuật: Có diện tích 11,18 ha, chiếm 3,19% diện tích khu đất quy hoạch khu công nghiệp. Mật độ xây dựng: 40%; tầng cao trung bình từ (1 - 2) tầng; hệ số sử dụng đất từ (0,4 - 0,8) lần được bố trí thành 2 khu: Khu HT-01 ở phía Tây Bắc, có diện tích 4,11 ha, (gồm: khu xử lý nước thải công nghiệp, bãi tập kết trung chuyển rác thải, nhà làm việc của bộ phận vệ sinh môi trường); Khu HT-02 ở phía đông nam, có diện tích 7,07 ha, (gồm: Trạm xử lý nước sản xuất, khu đầu mối cấp điện, khu xử lý nước thải công nghiệp). Tại các khu xử lý nước thải, bố trí khoảng cách ly trồng cây xanh rộng 30m xung quanh khu xử lý nước thải.

- Khu nhà máy, kho tàng: Tổng diện tích đất xây dựng nhà máy là 258,06 ha, chiếm 73,71% diện tích khu đất quy hoạch khu công nghiệp. Các lô đất công nghiệp được bố trí bám sát theo các tuyến đường trong khu công nghiệp. Thuận tiện cho việc kinh doanh sản xuất cho từng nhà máy.

- Khu cây xanh: Tổng diện tích 37,80 ha, chiếm 10,8% diện tích khu đất quy hoạch khu công nghiệp, bao gồm cây xanh công cộng, cây xanh cách ly và cây xanh theo tuyến. Cây xanh công cộng và các khoảng mở công cộng, kết hợp sân bãi TDTT được bố trí gắn liền với các khu xây dựng trung tâm điều hành, dịch vụ công cộng. Dải cây xanh cách ly với khu dân cư xung quanh và đường

diện 220KV có bề rộng trung bình khoảng (30-50) m, trong đó có bố trí hệ thống mương hồ để thoát nước mưa cho cả khu quy hoạch. Dải taluy theo các tuyến giao thông và giữa các cụm nhà máy để xử lý chênh cốt giữa các ô đất, được kết hợp trồng cây xanh tạo cảnh quan. Cây xanh tại các tuyến đường được phân bố tại dải phân cách giữa hai dải đường xe chạy và tại hai bên vỉa hè. Cây xanh bố trí tại dải phân cách đường; trồng các loại cây cỏ hoặc cây bụi nhằm đảm bảo an toàn giao thông. Cây xanh hai bên hè đường được trồng kết hợp giữa cây bụi, cỏ và cây lấy bóng mát. Cây lấy bóng mát trồng sát hàng rào các lô đất.

4.6. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

4.6.1. Giao thông:

- Đường giao thông đối ngoại là trục đường có mặt cắt 35m.
- Đường giao thông nội bộ: Quy mô mặt cắt được tính toán với mô-đun chiều rộng 3,75 m cho một làn xe và phân chia thành các đường chính, phụ như sau:

STT	Mặt cắt	Mặt cắt ngang đường (m)				Lộ giới(m)
		Via hè	Lòng đường	Dải phân cách	Via hè	
1	Mặt cắt A-A	8	15	6	8	37
2	Mặt cắt B-B	8	22,5	6	8	44,5
3	Mặt cắt C-C	8	11,25	-	8	27,25
4	Mặt cắt D-D	5	7,5	-	5	17,5
5	Mặt cắt D'-D'	8	7,5	-	-	15,5

- Giải pháp thiết kế:

+ Cao độ các tuyến đường nội bộ thiết kế căn cứ cao độ thiết kế đường 35m và cao độ quy hoạch san nền trong khu. Độ dốc dọc các tuyến 0,1% - 4%, độ dốc ngang mặt đường 2%, độ dốc vỉa hè 01%, bán kính cong bó vỉa tại các công vào $R \geq 15$ m. Đường giao thông thảm bê tông nhựa và bê tông xi măng. Cuối các tuyến đường cắt tạo các điểm quay đầu xe.

+ Vỉa hè lát gạch Block, ngoài ra kết hợp bố trí đèn chiếu sáng, trồng cây xanh và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác. Bó vỉa bằng bê tông đúc sẵn.

+ Giải phân cách bố trí trồng cỏ và trồng cây xanh.

4.6.2. San nền:

Căn cứ hiện trạng địa hình khu vực lập quy hoạch, thiết kế san nền với hướng dốc chính từ Tây Bắc xuống Đông Nam.

Phân chia khu vực thành các lô theo định hướng quy hoạch, san cục bộ cho từng lô với cao độ bám sát hiện trạng, tạo thành các cấp san nền. Giữa các cấp san nền ngăn cách bằng taluy đất kết hợp làm dải cây xanh. Cao độ san nền cho các khu đất xây dựng: Cao độ cao nhất là +35,50m, cao độ thấp nhất là +25,0m, độ dốc san nền từ 0,5 % đến 1 %, hướng dốc về phía các trục đường giao thông. Cao độ san cho các khu đất cây xanh cách ly: Cao độ cao nhất là +35,50m, cao độ thấp nhất là +20,0m, độ dốc san nền từ 0,2% đến 4%, đào, đắp nền, tạo các mái taluy đất để tiếp nối ra mặt nền tự nhiên, mái taluy đào (1:1), mái taluy đắp (1:1.5). Trồng cỏ gia cố mái taluy,

4.6.3. Cấp điện:

- Nguồn điện: Lấy từ trạm biến áp Văn Lung có công suất 40MVA.
- Nhu cầu cấp điện: Căn cứ tiêu chuẩn cấp điện, dự báo nhu cầu dùng điện cho toàn bộ khu vực quy hoạch giai đoạn 1 Khu công nghiệp Phú Hà khoảng 61MVA.
- Giải pháp cho mạng lưới cấp điện sản xuất, dịch vụ: xây dựng trạm biến áp 110/22KV để quản lý và vận hành lưới điện 22KV trong khu quy hoạch. Từ trạm biến áp dùng tuyến dây trên không (dây nhôm lõi thép TASCOR - 120 đến TASCOR - 185) đi trên các cột bê tông li cao (18 -20)m đến sát hàng rào từng nhà máy. Cấp điện cho khu dịch vụ: xây dựng các trạm biến áp T1 - 22/0,4kV-500KVA; T2,3-22/0,4KV-100KVA, các trạm biến áp sẽ lấy điện trực tiếp từ tuyến đường dây 22KV.
- Giải pháp cho mạng lưới điện chiếu sáng giao thông: Nguồn điện chiếu sáng cấp cho đường nội bộ của khu quy hoạch lấy từ 01 lộ ra của các trạm biến áp 22/0,4 kV gần nhất được chọn trong khu đến tủ điều khiển chiếu sáng. Cấp điện từ tủ chiếu sáng TĐ-CS tới các tuyến đèn đường sử dụng cáp 0,6kV Cu/XLPE/DSTA/PVC (4x25mm²) được chôn ngầm trực tiếp dưới vỉa hè có bảo vệ. Đoạn cáp qua đường luôn ống thép bảo vệ. Đèn đường dùng bóng cao áp Sodium.

4.6.4. Cấp nước:

- Nguồn cấp nước cho khu vực quy hoạch lấy từ sông Hồng, cách khu quy hoạch khoảng 4 km. Tại vị trí gần Sông Hồng đặt trạm bơm cấp 1 đến khu công nghiệp; nước được dẫn theo đường đê dọc Tỉnh lộ 320B về trạm xử lý nước đặt tại khu hạ tầng kỹ thuật phía Đông Nam khu quy hoạch.
- Nhu cầu dùng nước: Căn cứ tiêu chuẩn cấp nước, dự báo nhu cầu dùng nước cho toàn bộ khu quy hoạch khoảng 13.500 m³/ng.đ. Xây dựng một trạm xử lý nước sản xuất có công suất 13.500m³/ngđ tại phía Đông Nam khu quy hoạch.
- Giải pháp cho mạng lưới cấp nước: thiết kế theo dạng mạch vòng. Đường ống cấp nước dùng ống nhựa HDPE (PN10), có các đường kính 160mm, 200mm và 300mm.
- Giải pháp cấp nước chữa cháy tính cho đồng thời 2 đám cháy, khoảng 324m³. Lượng nước này luôn được dự trữ trong bể chứa của trạm cấp nước. Mạng lưới cấp nước cứu hỏa chung với mạng lưới cấp nước sản xuất. Tại các ngã ba, ngã tư đường và dọc tuyến ống với khoảng cách (100-150) m có 1 trụ cứu hỏa.

4.6.5. Thoát nước mưa:

- Mạng lưới thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với mạng lưới thoát nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất. Dọc hai bên các tuyến đường bố trí tuyến mương xây kết hợp với bê tông cốt thép, trên có nắp đậy bê tông cốt thép, đoạn có độ dốc lớn tạo rãnh chuyển bậc tiêu năng để giảm vận tốc dòng chảy. Trên các tuyến thu nước mưa bố trí các hố ga thu nước cách nhau 30- 50m để thu nước trên mặt đường.
- Toàn bộ nước mưa của khu vực phía Nam được thu gom vào tuyến rãnh đây đan kết hợp cống hộp qua đường thoát đổ ra mương hở ở bao quanh khu quy hoạch, sau đó thoát ra kênh tiêu Vĩnh mộ. Toàn bộ nước mưa khu vực phía Bắc

được thu gom vào tuyến rãnh đáy đan kết hợp cống hộp qua đường thoát ra mương hở ở bao quanh khu quy hoạch, sau đó thoát ra kênh tiêu Lô Lớn.

4.6.6. Thoát nước thải, vệ sinh môi trường:

a. Thoát nước thải:

- Quy hoạch xây dựng 02 trạm xử lý nước thải. Trạm số 1 ở phía Tây Bắc khu quy hoạch, Trạm số 2 ở phía Đông Nam khu quy hoạch.

- Thu gom nước thải: Khi khu công nghiệp hình thành, các nhà máy trong khu công nghiệp xả nước thải công nghiệp ra hệ thống thoát nước thải chung của khu công nghiệp phải đảm bảo chất lượng nước thải công nghiệp ra khỏi nhà máy không thấp hơn mức C theo QCVN 24:2009 BTNMT. Khu vực phía Bắc khu quy hoạch, nước thải được gom về trạm xử lý nước thải số 1. Khu vực phía Nam khu quy hoạch, nước thải được gom về trạm xử lý nước thải số 2. Nước thải sau khi xử lý tại 02 trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn loại A mới được thải ra môi trường tự nhiên.

- Mạng lưới thoát nước thải dùng ống bê tông ly tâm có đường kính $D=300\text{mm}$ đến $D=500\text{ mm}$ được đặt ngầm dưới vỉa hè của các tuyến đường nội bộ khu quy hoạch. Trên các tuyến thoát nước thải, xây các hố ga cách nhau (30-40)m.

b. Vệ sinh môi trường:

- Đối với chất thải rắn thông thường:

+ Được phân thành ngay tại nguồn và chia thành 2 loại: Chất thải có thể dùng để tái chế, tái sử dụng và chất thải phải tiêu hủy hoặc chôn lấp;

+ Phương tiện lưu chứa chất thải rắn thông thường là các thùng rác có kích thước khác nhau và được bố trí tại các nguồn phát thải;

+ Chất thải rắn thông thường sẽ được thu gom hàng ngày và được vận chuyển về khu xử lý rác Trạm Thản;

- Đối với chất thải nguy hại:

+ Chất thải có chứa hoặc dính các thành phần nguy hại như giẻ lau hoặc bao bì dính dầu nhớt, xăng dầu, hóa chất,... Chất thải rắn nguy hại phát sinh trong các nhà máy sẽ được phân loại ngay từ đầu tại nguồn phát sinh và được chứa trong thùng riêng. Đặt các thùng rác tại khu vực có khả năng phát sinh chất thải nguy hại. Xây dựng phòng riêng để lưu chứa chất thải nguy hại. Tại phòng chứa sẽ bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại đảm bảo đúng quy định;

+ Sau khi được phân loại sẽ được thu gom, tập trung tại phòng riêng tại nơi tập trung chất thải rắn, sau đó được vận chuyển đi xử lý định kỳ theo quy định.

- Hạn chế tác động của khu tập trung chất thải:

+ Nơi tập trung chất thải được bố trí cách xa khu dân cư và có nhiều cây xanh xung quanh, rác thải được tập trung như đã phân loại và được bọc kín bởi các bao nilon phân loại;

+ Tại khu tập trung chất thải có mái che nhằm hạn chế nước mưa thấm vào rác;

- + Các thùng đựng rác phải được thiết kế có nắp, để hạn chế phát tán khí, mùi hôi vào môi trường;

- + Thường xuyên vệ sinh sàn nhà, dụng cụ lưu chứa, thu gom, vận chuyển chất thải. Sử dụng các loại hóa chất khử mùi và làm vệ sinh sân nền;

4.6.7. Thông tin liên lạc: Xây dựng tuyến cáp quang từ Host tổng của Bưu điện Phú Thọ. Hệ thống tuyến cáp quang được bố trí ngầm dưới vỉa hè các tuyến đường. Bố trí các tủ phân phối cáp quang ODF - để cung cấp tuyến cáp quang tới hàng rào các nhà máy.

4.7. Giải pháp bảo vệ môi trường:

4.7.1. Giảm thiểu ô nhiễm trong quá trình thi công xây dựng:

- Giảm thiểu ô nhiễm không khí: Bằng biện pháp đóng cọc và làm hàng rào bằng tôn xung quanh khu vực thi công. Trên đường vận chuyển nguyên vật liệu, phế liệu có tính chất khô, rời, có bụi phải đảm bảo có bao che chắn bằng lưới bạt và tạo độ ẩm thích hợp chống gây ô nhiễm trên đường vận chuyển. Tại các tuyến đường ô tô vận tải nội bộ cần được tiến hành phun nước chống bụi khi hoạt động thi công diễn ra trong mùa khô. Phân bố mật độ xe ra vào chuyên chở nguyên vật liệu phù hợp, tránh ùn tắc gây ô nhiễm khói bụi cho khu vực. Xây dựng trạm rửa bánh xe trước khi ra khỏi công trường xây dựng.

- Giảm thiểu ô nhiễm nước: Bằng biện pháp xây dựng nhà vệ sinh tạm tại công trường có bể tự hoại; trong quá trình sửa chữa máy móc thiết bị, dầu nhớt sẽ được thu gom một cách triệt để. Nước thải sinh hoạt từ nhà ăn, tắm giặt cần được thu gom sau quá trình lắng cặn và thoát ra đường thoát nước thải chung.

- Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn: Tập trung chất thải rắn vô cơ thu gom đổ đúng nơi quy định, hoặc dùng để san lấp những chỗ trũng. Đối với chất thải rắn là kim loại, nhựa, giấy, bao bì được thu gom, bán phế liệu. Đối với chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đưa về khu xử lý chất thải theo quy định.

4.7.2. Giảm thiểu ô nhiễm trong quá trình hoạt động của các nhà máy:

- Giảm thiểu ô nhiễm không khí:

Đối với bụi thải ra trong quá trình vận chuyển và bốc dỡ nguyên, nhiên, vật liệu: Các phương tiện vận chuyển nguyên liệu về nhà máy sẽ được che kín bằng bạt tránh phát tán bụi vào không khí. Thường xuyên quét dọn đất, cát, nguyên liệu rơi vãi nhằm làm giảm lượng bụi khô phát tán vào không khí. Đối với khí thải xử lý rò rỉ khí và xử lý khí thải lò hơi.

- Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nước:

- + Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại;

- + Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn qua khu vực không bị ô nhiễm bẩn bởi dầu mỡ, hóa chất... được thu gom vào các rãnh thoát nước dọc theo các con đường bao xung quanh các nhà máy, nước mưa trước khi chảy vào hệ thống cống thoát nước của từng nhà máy, chảy qua song sắt loại bỏ cặn, rác bẩn.

- Các biện pháp giảm thiểu chất thải rắn:

- + Các chất thải rắn và rác thải sinh hoạt sẽ được định kỳ thu gom và chuyển đi xử lý tại khu vực quy định;

+ Chất thải nguy hại: được thu gom, phân loại, sau đó thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

+ Cách ly và lắp đệm chống rung cho các máy móc thiết bị có độ ồn cao, đặc biệt máy nén khí, máy phát điện phải được đặt trong buồng cách âm;

+ Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị;

+ Mở thêm nhiều cửa sổ có các cánh chớp xung quanh nhà xưởng, hạn chế tích tụ ồn trong xưởng bằng cách phân tán ồn theo nhiều hướng khác nhau;

+ Trồng nhiều cây xanh trong công viên nhà máy để tránh lan truyền tiếng ồn đi xa.

- Quy hoạch khu công nghiệp giai đoạn 1 không bố trí khu xử lý rác và chất thải rắn tập trung. Tại mỗi nhà máy sẽ bố trí khu tập kết của mình sau đó sẽ được bộ phận thu gom rác (bộ phận vệ sinh môi trường) đưa về bãi rác tập trung của khu vực.

4.8. Tiến độ và nguồn lực thực hiện:

- Tiến độ thực hiện: Từ năm 2014-2021.

- Nguồn lực thực hiện: Vốn Ngân sách nhà nước, vốn của các nhà đầu tư.

5. Quy định quản lý theo Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Phú Hà giai đoạn 1, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ: Được ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Tổng công ty VIGLACERA chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan tổ chức công bố công khai Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Phú Hà giai đoạn 1.

- UBND thị xã Phú Thọ, Ban Quản lý các Khu công nghiệp chịu trách nhiệm quản lý xây dựng theo đúng quy định về quản lý quy hoạch, kiến trúc và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính; Chủ tịch UBND thị xã Phú Thọ; Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp Phú Thọ, Tổng công ty VIGLACERA và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thực hiện. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- CT, các PCT;

- PCVPTH;

- Lưu: VT, TH1, KT2 (20b).

h

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Cúc